

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+BK21+PPD	7:25	12+3+7	0+0+0		8+4+10	0+0+0	
2		BK16+RP2+SAVR	7:25	5+2+13	0+0+0		4+3+15	0+0+0	
3		TTC2+BK15+RC3	7:25	6+14+0	0+0+0		5+15+2	0+0+0	
4		P6+TTC3+P10	9:25	16+5+0	0+0+0		10+7+5	0+0+0	
5		TTc1+CTK3+P11	9:25	20+2+0	0+0+0		16+3+1	0+0+0	chuyen 1 ctk3-p11
6		RC5+P5+P6	9:25	0+2+12	0+0+0		3+0+16	0+0+0	chuyen 4 rc5-p5
7		P8+TTC2+BK19	11:25	17+4+1	0+0+0		14+1+5	0+0+0	
8		SAVR+RP2	11:25	17+0	0+0+0		7+15	0+0+0	
9		BK10+BK20+RP2	11:25	8+1+5	0+0+0		6+0+16	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/1 ng bk16 về đi bk20, 1 người p11 về đi rp2

2/Đi về trong ngày TTC2-1ng, RP2-2ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2025	TO: P8 - BK21 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VTHANG - ĐNAM - VŨ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN THANH VINH	P8	28	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC THĂNG	P8	20	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO VĂN ĐÓN	P8	21	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CHÂU NAM	P8	26	1	11			92	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BA ĐẠT	P8	23	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ANH TRÍ	P8	29	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TU THĂNG	P8	22	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG HIẾN	P8	30	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU DUNG	P8	32	1	9			58	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THẾ CHINH	P8	31	1	11			56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHU	P8	27	1	10			79	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN LAM	P8	24-25	2	19			77	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN ĐĂNG TUẤN	BK21	44-45	2	8			72	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TRONG PHUC	BK21	42-43	2	19			65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NGOC HOA	BK21	41	1	6			66	PSV	Vietnamese
16	ĐANG QUỐC VIỆN	PPD	98	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN DƯƠNG	PPD	97	1	8			84	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM MINH VŨ	PPD	19-20	2	19			77	XAYLAP	Vietnamese
19	HA XUÂN THÀNH	PPD	23	1	14	1	20	72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN MẠNH TUNG	PPD	96-97	2	19	1	18	76	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN KHANH HUNG	PPD	88,99	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN THAI QUAN	PPD	21-22	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	12	837	13	99	0	0	8		
2	BK21	3	203	5	33	0	0	4		
3	PPD	7	510	11	100	2	38	10		
TOTAL		22	1.550	29	232	2	38	22		
WEIGHT KG			1.550		232		38			

GRAND TOTAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2025	TO: BK16 - RP2 - SAVR	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHM - TDUNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HỒ NGỌC BÈN	BK16	200	1	13	2	40	73	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC SƠN	BK16	08	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ANH TUẤN	BK16	09	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ TA HÙNG	BK16	10	1	18			67	XAYLAP	Vietnamese
5	VU QUỐC KHAI	BK16	13-14	2	19	1	15	66	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VIỆT DUNG	RP2	50	1	5			68	D-HANH	Vietnamese
7	BOVT A.V	RP2	49	1	3			92	D-HANH	Russian
8	BUSTAEV FARKHAT	SAVR	99,900	2	18			86	AMNGR	Russian
9	ABDRAKMANOV ARTUR	SAVR	01-02	2	12			82	AMNGR	Russian
10	ZHALEIKO NIKITA	SAVR	90,95	2	12			90	AMNGR	Russian
11	EGOROV MAKSIM	SAVR	92-93	2	12			64	AMNGR	Russian
12	KARNIUKHIN VITALII	SAVR	03	1	17			65	AMNGR	Russian
13	TRẦN MINH HAO	SAVR	94	1	6			68	AMNGR	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY KHIÊM	SAVR	89	1	10			75	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT TRUNG	SAVR	96-97	2	15			81	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG LONG	SAVR	04-05	2	17			86	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN TUẤN DŨNG	SAVR	86	1	17			83	PVDWS	Vietnamese
18	YOYON SETIONO	SAVR	91	1	14			77	PVDWS	Indonesian
19	NGUYỄN TUẤN ANH	SAVR	87-88	2	17			80	PVDWS	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	SAVR	98	1	10			80	PVDWS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK16	5	349	6	72	3	55	4		
2	RP2	2	160	2	8	0	0	3		
3	SAVR	13	1.017	20	177	0	0	15		
	TOTAL	20	1.526	28	257	3	55	22		
	WEIGHT KG		1.526		257		55			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2025	TO: TTC2 - BK15 - RC3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - XTRƯỜNG -	ETA: 09:25
CAM-I		NNAM	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ HOANG LONG	TTC2	25	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO HUNG HAI	TTC2						74	ANTOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN THUC	TTC2	27	1	7			51	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRUONG AN	TTC2	26	1	8	2	40	84	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	24	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	28	1	4			74	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC HAI	BK15	65	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DINH THANG	BK15	67	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH HAO	BK15	74	1	12			82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC TUNG	BK15	64	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG KHA	BK15	69	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
12	VU DINH QUANG	BK15	72-73	2	18			77	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI THANH LONG	BK15	75	1	12			88	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG AN	BK15	66	1	11	1	20	71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC HUNG	BK15	68	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
16	LA VAN NAM	BK15	70-71	2	17			81	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NAM (KS)	BK15	63	1	15			78	DVL	Vietnamese
18	TRAN VAN NGHIA	BK15	61	1	16			82	DVL	Vietnamese
19	MAI VAN DUONG	BK15	62	1	13			86	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN THANH MINH	BK15	76	1	6			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC2	6	439	5	33	2	40	5		
2	BK15	14	1.047	16	154	1	20	15		
3	RC3	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.486	21	187	3	60	22		
WEIGHT KG			1.486		187		60			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2025	TO: P6 - TTC3 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VTHANG - ĐNAM - VŨ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUONG CHI TUYEN	P6	18	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUAN QUY	P6	98	1	11			100	KH-THAC	Vietnamese
3	VAN MINH TAN	P6	12	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN ĐOÀ	P6	10	1	3			54	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRỌNG BACH	P6	17	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUY HUNG	P6	11	1	13			62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ĐINH TUAN	P6	95-96	2	20			57	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN BĂNG	P6	20	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TUAN	P6	99	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI MẠNH KHANH CUONG	P6	16	1	12			79	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU TOAN	P6	19	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC KHANH	P6	13-15	3	17			77	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN ĐINH QUANG	P6	97	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG NAM PHUONG	P6	21	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN LAM GIANG	P6	500,09	2	6			78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VIET DUNG	P6	94	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
17	BACH ANH TUAN	TTC3	54	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ TIEN DUNG	TTC3	52-53	2	6			75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN BAC	TTC3	55	1	4	3	50	62	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG TRUNG HAU	TTC3	56	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN XUAN HOA	TTC3						70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	16	1.116	20	144	0	0	10		
2	TTC3	5	343	5	20	3	50	7		
3	P10	0	0	0	0	0	0	5		
	TOTAL	21	1.459	25	164	3	50	22		
	WEIGHT KG		1.459		164		50			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2025	TO: TTC1 - CTK3 - P11	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHÀI - TDUNG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHUNG HA TAI	TTC1	28	1	5			115	KH-THAC	Vietnamese
2	VU HUNG TUAN	TTC1	21	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TRUNG THUY	TTC1	27	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO MINH HOANG	TTC1	14	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
5	LUONG MINH KIEN	TTC1	22	1	16			66	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN BÖ	TTC1	10-11	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
7	LE HONG LONG	TTC1	18-19	2	16			76	XAYLAP	Vietnamese
8	PHI ĐỨC THỊNH	TTC1	15	1	10			57	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC LỢI	TTC1	05-06	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
10	PHƯƠNG THÈ TRUNG	TTC1	07	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN QUANG PHÚC	TTC1	24-25	2	21			76	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM TIẾN HẢI	TTC1	12-13	2	21			76	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG VŨ	TTC1	08-09	2	20			46	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VIET	TTC1	01-02	2	14	2	34	79	XAYLAP	Vietnamese
15	NGÔ ANH QUỐC	TTC1	20	1	15			66	XAYLAP	Vietnamese
16	LA TUAN LINH	TTC1	03-04	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN MẠNH DŨNG	TTC1	16-17	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG TRUNG	TTC1	26	1	7			76	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN AI	TTC1	44	1	4			52	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HUNG	TTC1	23	1	3			74	PSV	Vietnamese
21	BUI VAN BAC	CTK3	81	1	3			49	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM HUU TUNG	CTK3	78-80	3	15			88	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC1	20	1.426	29	252	2	34	16		
2	CTK3	2	137	4	18	0	0	3	CHUYEN 1 PAX CTK3-P11	
3	P11	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.563	33	270	2	34	20		
WEIGHT KG			1.563		270		34			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2025	TO: RC5 - P5 - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LINH - XTRƯỜNG -	ETA: 11:45
CAM-2		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	SKOROBOGATKO I.A.I	P5	40	1	6			96	KH-THAC	Russian
2	BOIKO D.N	P5	39	1	7			126	KH-THAC	Russian
3	PHẠM NGỌC AN	P6	72	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHU	P6	73	1	3			83	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUONG HOE	P6	59	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HUY THÔNG	P6	61	1	2			84	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG LONG HAI	P6	66	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH HUÂN	P6	58	1	6			49	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	P6	57	1	6	1	20	72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TRUONG	P6	71	1	6			67	PSV	Vietnamese
11	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P6	60	1	6			67	PSV	Vietnamese
12	DUONG BA HUNG	P6	54	1	6			71	PSV	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC CƯỜNG (1967)	P6	55	1	7			54	PSV	Vietnamese
14	BUI VAN LONG	P6	51	1	4			70	PSV	Vietnamese
15	PHẠM NGOC DIEU	P6	56	1	13			80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	0	0	0	0	0	0	3 + 4	CHUYEN 4 PAX RC5-P5	
2	P5	2	222	2	13	0	0	0		
3	P6	13	928	13	80	1	20	16		
TOTAL		15	1.150	15	93	1	20	19		
WEIGHT KG			1.150		93		20			

GRAND TOTAL: 1.263 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2025	TO: P8 - TTC2 - BK19	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LHM - THONG - TDUNG	ETA: 14:10
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM NGOC NAM	P8	42-43	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG NGOC	P8	39-40	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN NHAN	P8	41	1	9			72	YTE	Vietnamese
4	NGUYEN VAN QUANG	P8	44	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN TAN	P8	33	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
6	HO CHE LINH	P8	54	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN CONG TINH	P8	46	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
8	LE XUAN TRUNG	P8	37	1	3			90	KH-THAC	Vietnamese
9	DINH QUANG TRUNG	P8	55	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
10	VU DUY TRUONG	P8	53	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VU NHAT QUANG	P8	36	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET HOA	P8	45	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NAM HUY	P8	47-48	2	13			68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VU HUNG	P8	34-35	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN VU	P8	38	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
16	DO XUAN PHUONG	P8	51-52	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM VAN KIEN	P8	49-50	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
18	VU DUC DUNG	BK19	29	1	13			83	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN DINH DUC	BK19	30	1	3	3	55	69	KH-THAC	Vietnamese
20	LE TRUNG TUAN	BK19	31	1	13	1	13	73	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN THINH	BK19	28	1	8			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	17	1.194	23	149	0	0	14		
2	TTC2	0	0	0	0	1	7	1		
3	BK19	4	287	4	37	4	68	7		
TOTAL		21	1.481	27	186	5	75	22		
WEIGHT KG			1.481		186		75			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2025	TO: SAVR - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VIỆT - NPHÚ - THÀNH	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KRUGLOV OLEG	SAVR	20-21	2	19			66	AMNGR	Russian
2	KRYLOV EVGENII	SAVR	16-17	2	14			80	AMNGR	Russian
3	NEKRASOV IGOR	SAVR	19	1	19			94	AMNGR	Russian
4	VAVILIN IVAN	SAVR	07-08	2	11			97	AMNGR	Russian
5	DEREVENSKII PAVEL	SAVR	09-10	2	12			104	AMNGR	Russian
6	DOROSHENKO ARTEM	SAVR	14-15	2	11			75	AMNGR	Russian
7	TRẦN MẠNH HÙNG	SAVR	06	1	7			69	AMNGR	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÙNG	SAVR	31	1	10	5	83	73	AMNGR	Vietnamese
9	HỒ MINH TÂN	SAVR	22-23	2	7			92	AMNGR	Vietnamese
10	HỒ VĂN THÔNG	SAVR	32	1	4			88	AMNGR	Vietnamese
11	Y DUNG H MOK	SAVR	33	1	7	4	60	71	AMNGR	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HUNG	SAVR	18	1	5			67	AMNGR	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG NAM	SAVR	24-25	2	13			63	AMNGR	Vietnamese
14	KHAIRUL ANWAR BIN MUHAMAD	SAVR	28-29	2	19			68	BAKER HU	Malaysian
15	NGUYEN NGOC HUAN	SAVR	13	1	7	2	21	74	BAKER HU	Vietnamese
16	TRẦN THANH TÂM	SAVR	26	1	14	1	9	55	BAKER HU	Vietnamese
17	LE PHU PHUC	SAVR	30	1	7	2	18	86	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	17	1.322	25	186	14	191	7		
2	RP2	0	0	0	0	0	0	15		
	TOTAL	17	1.322	25	186	14	191	22		
	WEIGHT KG		1.322		186		191			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/05/2025	TO: BK10 - BK20 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - TOAN	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN TINH	BK10	13	1	8	1	17	64	ĐANG KIEM	Vietnamese
2	ĐO VAN KIEN	BK10	10-11	2	14	2	40	87	DUY LINH	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TỰ	BK10	02	1	11	3	40	64	DUY LINH	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THUẬT	BK10	03-04	2	16			97	DUY LINH	Vietnamese
5	ĐANG VAN HUNG	BK10	08-09	2	13			69	DUY LINH	Vietnamese
6	NGUYEN HUU HOANG	BK10	12	1	9			59	DUY LINH	Vietnamese
7	NGUYEN THANH PHONG	BK10	06-07	2	14			67	DUY LINH	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG TAM	BK10	05	1	11			75	DUY LINH	Vietnamese
9	NGUYEN TRI CHUNG	BK20	62-63	2	15			55	KH-THAC	Vietnamese
10	TUONG ANH CAC	RP2	64	1	5	1	20	60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGHIEM XUAN VIET	RP2	65	1	11	1	14	68	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THUC	RP2	62	1	18			84	KHOAN	Vietnamese
13	HUYNH TRUNG NGHIA**	RP2	66	1	7			65	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN NGOC CHINH	RP2						78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK10	8	582	12	96	6	97	6		
2	BK20	1	55	2	15	0	0	0		
3	RP2	5	355	4	41	2	34	16		
TOTAL		14	992	18	152	8	131	22		
WEIGHT KG			992		152		131			

GRAND TOAL: 1.275 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN